

Số: /TB-VP

Thanh Miện, ngày 22 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính thực hiện việc
cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục liên quan đến người dân và doanh
nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp**

Căn cứ Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 03 tháng 09 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng về việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố;

Căn cứ 16 Quyết định công bố TTHC của UBND thành phố¹;

Thực hiện Công văn số 3421/STP-VP ngày 16/09/2025 của Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng về việc công bố tại 16 Quyết định công bố TTHC của UBND thành phố,

Văn phòng HĐND - UBND xã Thanh Miện thông báo niêm yết về việc công khai danh mục thủ tục hành chính thực hiện việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục liên quan đến người dân và doanh nghiệp hiện có 48 TTHC còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý và giải quyết của Sở Tư Pháp được công bố tại 16 Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Văn phòng HĐND - UBND xã Thanh Miện thông báo niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính thực hiện việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục liên quan đến người dân và doanh nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp tại Công thông tin điện tử của UBND xã Thanh Miện tại địa chỉ: <https://thanhmien.haiphong.gov.vn>.

Văn Phòng HĐND - UBND xã Thanh Miện trân trọng thông báo để các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã;
- Trung tâm PVHCC xã;
- Trung tâm văn hóa TTTT xã;
- Công TTĐT xã;
- Lưu: VT, VP.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Vũ Thị Thu

¹ Các Quyết định: số 2129/QĐUBND ngày 02/8/2021, số 562/QĐ-UBND ngày 03/3/2023, số 2390/QĐUBND ngày 08/8/2023, số 3642/QĐ-UBND ngày 03/11/2023, số 503/QĐ-UBND ngày 22/02/2024, số 1624/QĐ-UBND ngày 24/5/2024, số 2061/QĐ-UBND ngày 17/6/2024, số 2350/QĐ-UBND ngày 11/7/2024, số 542/QĐ-UBND ngày 26/2/2025; số 1520/QĐ-UBND ngày 16/5/2025; số 2026/QĐ-UBND ngày 25/6/2025; số 2040/QĐ-UBND ngày 25/6/2025; số 2041/QĐ-UBND ngày 25/6/2025; số 2600/QĐ-UBND ngày 01/7/2025; số 2690/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 và số 2949/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 về việc công bố Danh mục các thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI HẠN GIẢI QUYẾT
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-VP ngày 22/9/2025 của Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân xã Thanh Miện)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (35 TTHC)				
1.	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	

2.	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 2,5 ngày làm việc.	
3.	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.	1.5 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 4 ngày làm việc.	
4.	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.	1.5 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 4 ngày làm việc.	
5.	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
6.	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Ngay trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Giữ nguyên do TTHC giải quyết ngay trong ngày	

7.	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
8.	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
9.	1.004837	Đăng ký giám hộ	3 ngày làm việc	1.5 ngày làm việc	
10.	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	2 ngày làm việc	1 ngày làm việc	
11.	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	3 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 05 ngày làm việc)	1.5 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 2.5 ngày làm việc)	
12.	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	03 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 05 ngày)	1.5 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 2.5 ngày)	
13.	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	

			- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; xác định lại dân tộc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.	- 1.5 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; xác định lại dân tộc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	
14.	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	3 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày nếu không có kết quả xác minh	1.5 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày	
15.	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày.	
16.	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày.	
17.	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải	2.5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày.	

			quyết không quá 25 ngày.		
18.	1.005461	Thủ tục đăng ký lại khai tử	5 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	2.5 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 5 ngày làm việc.	
19.	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	
20.	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày)	2.5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 5 ngày)	
21.	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày, hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc)	Ngay trong ngày, hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc)	

22.	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
23.	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	10 ngày	5 ngày	
24.	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	2.5 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 1.5 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	
25.	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	2 ngày làm việc	1 ngày làm việc	
26.	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	- Trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 3 ngày đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. kéo dài không quá 6 ngày làm việc.	- Trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 1,5 ngày đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. kéo dài không quá 3 ngày làm việc.	

27.	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 8 ngày làm việc)	2.5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 4 ngày làm việc)	
28.	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 8 ngày làm việc)	2.5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 4 ngày làm việc)	
29.	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 1,5 ngày làm việc	
30.	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày	
31.	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì	

			thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày	
32.	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày.	
33.	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 5 ngày	
34.	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày làm việc . (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc)	1.5 ngày làm việc. (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 5 ngày làm việc)	
35.	2.000635	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	
II	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (13 TTHC)				

36.	2.001035	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
37.	2.001019	Thủ tục chứng thực di chúc	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
38.	2.001016	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	02 Ngày làm việc	01 ngày làm việc	
39.	2.001406	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02 Ngày làm việc	01 ngày làm việc	
40.	2.001009	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02 Ngày làm việc	01 ngày làm việc	
41.	2.001008	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	
42.	2.000992	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	

43.	2.000913	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	
44.	2.000927	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	
45.	2.000942	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	
46.	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	
47.	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp	

		quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc	nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc	
48.	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	
III	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (5 TTHC)				

49.	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày (15 ngày giải quyết TTHC + 15 ngày xin ý kiến các cơ quan liên quan	22.5 ngày ((7,5 ngày giải quyết TTHC + 15 ngày xin ý kiến các cơ quan liên quan	
50.	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
51.	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	45 ngày	20 ngày	
52.	2.002363	Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp phải xác minh thì hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp phải xác minh thì hạn giải quyết không quá 1,5 ngày làm việc	
53.	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	10 ngày		
IV	LĨNH VỰC HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ (05 TTHC)				
54.	2.000424	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc	

55.	1.002211	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
56.	2.000950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
57.	2.000930	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
58.	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	5 ngày làm việc	2.5 ngày làm việc	
V	LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (01 TTHC)				
59.	2.002.165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	77-87 ngày	38.5-43.5 ngày	